

BỔ SUNG MỘT LOÀI THUỘC CHI AN ĐIỀN - *Hedyotis* L. HỌ CÀ PHÊ (Rubiaceae) Ở VIỆT NAM

ĐỖ VĂN HẢI, VŨ XUÂN PHƯƠNG, TRẦN THẾ BẠCH, ĐỖ THỊ XUYẾN,
NGUYỄN THẾ CƯỜNG, NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG,
DƯƠNG THỊ HOÀN, BÙI HỒNG QUANG, VŨ TIẾN CHÍNH

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH
*Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Trên thế giới, chi *Hedyotis* L. có khoảng 500 loài, phân bố rộng ở khu vực nhiệt đới và cận nhiệt đới, chủ yếu ở Châu Phi và Châu Á [1]. Ở Việt Nam, theo Trần Ngọc Ninh (2005), chi *Hedyotis* có 65 loài, 7 thứ. Trong quá trình nghiên cứu các mẫu vật của chi này ở Việt Nam, chúng tôi đã phát hiện được 1 loài *Hedyotis cathayana* có phân bố ở Việt Nam. Loài này trước đây được ghi nhận chỉ có ở Trung Quốc (Hải Nam). Các mẫu vật thuộc loài này được thu thập tại Mang Yang (Gia Lai) và hiện được lưu giữ tại Phòng Tiêu bản thực vật-Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN). Đây là loài mới bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các đại diện của chi *Hedyotis* ở Việt Nam bao gồm các mẫu tiêu bản được lưu giữ tại các phòng tiêu bản thực vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), Viện Sinh học nhiệt đới (VNM), Trường Đại học Khoa học tự nhiên (HNU), Viện Thực vật Côn Minh, Trung Quốc (KUN), Viện Thực vật Hoa Nam, Trung Quốc (SBCI) và các mẫu tươi thu được trong các chuyến điều tra thực địa.

2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi đã áp dụng phương pháp so sánh hình thái để nghiên cứu phân loại. Đây là phương pháp truyền thống được sử dụng phổ biến trong phân loại thực vật. Dựa vào đặc điểm hình thái của các cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản để so sánh, trong đó dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản là chủ yếu vì đây là cơ quan ít biến đổi khi chịu tác động của các điều kiện môi trường bên ngoài.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Sau khi phân tích và định loại, các đặc điểm của loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam này đã được chúng tôi mô tả như dưới đây.

Hedyotis cathayana W. C. Ko - An điền trung quốc.

Ko, W. C. 1974. Fl. Hainan. 3: 579; id. 1999. Fl. Reip. Pop. Sin. 71 (1): 52-54; Chen, T. & Taylor, C.m. 2011. Fl. China, 19: 157-158.

Cây thảo, mọc thẳng đứng, cao khoảng 50 (-80)cm; thân nhẵn, 4 cạnh, các cạnh sắc nhọn hoặc dạng cánh, cánh có thể rộng đến 2mm. Lá đơn mọc đối, gần như không có cuống hoặc cuống lá rất ngắn; phiến lá khi khô có chất giấy hoặc dạng màng, gân chính có màu tím ở gốc khi lá còn non, phiến lá hình bầu dục-hình thuôn, cỡ 8-15 × 2-4cm, nhẵn; gốc lá tù đến tròn hoặc cụt, đầu lá nhọn hoặc có mũi dài; gân bên 7-8 cặp; nổi rõ ở hai mặt; lá kèm giống như bao quanh thân, hình tam giác rộng, cỡ 4-12mm, nhẵn, có 2 cánh ở mép rộng từ 1-2mm và mở rộng và kéo dài từ gốc đến đầu lá, có mũi hoặc mũi nhọn. mép lá nguyên, có lông tuyến rải rác. Cụm hoa mọc ở nách lá, dạng xim hoặc hình chùy ngắn, dài cỡ 1,5-3,5cm, nhẵn; lá bắc hình đường-hình mác, hoặc hình bầu dục hẹp, cỡ 1-12mm; cuống cỡ 1,5mm. Hoa gần như không cuống hoặc có cuống rất ngắn. Đài nhẵn; cao cỡ 1-1,3mm; thùy đài xẻ sâu; các thùy hình tam giác hẹp đến hình thia, cỡ 2-3mm, đôi khi các thùy đài không bằng nhau. Tràng màu trắng hoặc xanh nhạt, dạng hình phễu hoặc hình ống-hình phễu; mặt ngoài trắng nhẵn; ống tràng dài 6-9mm, thùy tràng hình thia-hình thuôn, cỡ 2,5-4mm. Bao phấn thò ra khỏi ống tràng, cỡ 1-1,5mm. Vòi nhụy dài cỡ 1,5mm, thò ra khỏi ống tràng và cao đến giữa ống tràng. Quả nang, gần hình cầu đến hình trứng, cỡ 2-3 × 1,5-2mm, nhẵn; mang 4-6 hạt, hạt màu nâu đen, có cạnh, bề mặt hạt có mụn.

Loc. class.: China-Hainan-Baoting.

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa quả thường quanh năm. Mọc ở trong rừng, ven rừng nơi đất ẩm gần thung lũng và khe núi, mọc ở độ cao khoảng 500m.

Phân bố: Mới chỉ gặp ở Gia Lai (Mang Yang: A Yun (Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh), còn có ở Trung Quốc (Hải Nam).

Mẫu nghiên cứu: GIA LAI, KNP 415; KNP 1035 (HN).

Ghi chú: Loài này khác biệt với các loài khác của chi bởi các đặc điểm: Thân 4 cạnh, lá gần như không có cuống hoặc cuống lá rất ngắn, lá kèm hình tam giác rộng. Cụm hoa mọc ở nách lá, dạng xim hoặc hình chùy ngắn.



Ảnh 1. *Hedyotis cathayana* W. C. Ko

1 Dạng sống; 2. Cánh mang lá và cụm hoa, 3. Cụm hoa (ảnh Trần Thế Bách)

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 106.11-2012.37; dự án "Tiềm năng sinh học của nguyên liệu sinh học ở Việt Nam" và đề tài TN3/T07 thuộc Chương trình Tây Nguyên III.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chen T., C.m. Taylor, 2011: Flora of China. Science Press, Beijing, and Missouri Botanical Garden Press, St. Louis, Vol. 19: 147-174.
2. Phạm Hoàng Hộ, 2000. Cây cỏ Việt Nam. NXB. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tập 3: 106-123.
3. Ko W. C., 1974. Flora Hainanica. Beijing (in Chinese), Vol. 3: 579
4. Ko W. C., 1999. Florae Reipublicae Popularis Sinicae. Science Press, Beijing (in Chinese), vol. 71 (1): 26-77.
5. Trần Ngọc Ninh, 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 3: 305-308.

ONE NEW SPECIES RECORD OF THE GENUS *Hedyotis* L. (Rubiaceae) FOR THE FLORA OF VIETNAM

DO VAN HAI, VU XUAN PHUONG, TRAN THE BACH, DO THI XUYEN, NGUYEN THE CUONG, NGUYEN THI THANH HUONG, DUONG THI HOAN, BUI HONG QUANG, VU TIEN CHINH, TRAN THI PHUONG ANH

SUMMARY

The genus *Hedyotis* comprises 500 species in the world and mainly distributed in tropical and subtropical regions, mostly in Africa and Asia, a few in warm temperate regions. Specimens belonging to the *Hedyotis cathayana* (Rubiaceae) have been found in Gia Lai province as a new record for flora of Vietnam.

Hedyotis cathayana has some special characters, such as: Herbs, presumably perennial, erect, to 50 (-80)cm tall; stems glabrous, 4-angled, angles sharp to winged, wings to 2mm wide. Leaves sessile or subsessile; blade drying papery to membranous, purple on midrib at least when young, elliptic-oblong, lanceolate, or oblanceolate, 8-15 × 2-4cm, glabrous, base obtuse to rounded or truncate, apex acute to long acuminate, secondary veins 7 or 8 pairs; stipules apparently fused shortly around stem, broadly triangular, 4-12mm. Inflorescence axillary, cymose to shortly paniculate, 1.5-3.5cm, glabrous, subsessile to pedunculate; peduncles to 2cm; bracts linear-lanceolate, lanceolate, or narrowly elliptic, 1-12mm; pedicels to 1.5mm. Corolla white or pale green, funnelform to tubular-funnelform, outside glabrous; tube 6-9mm.

These specimens were collected in Mang Yang district, Gia Lai province and are preserved in the National Herbarium of the Institute of Ecology and Biological Resources, Hanoi, Vietnam (HN).